TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 42 /2020/QĐST-HNGĐ	*Yên Mô, ngày 26 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2020 /TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng N - sinh năm 1997

HKTT: Xóm 8, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

* Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T - sinh năm 1996

HKTT: Xóm 8, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Điều 212, 213, khoản 4- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị Hồng N và anh Nguyễn Thanh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H sinh ngày 22/7/2019 cho chị Phạm Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu H đủ tuổi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Nguyễn Gia H được chung sống với chi N. Anh T có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung. Chị N và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung và công nợ: chị Phạm Thị Hồng N à anh Nguyễn Thanh T đều xác nhận vợ chông không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ tài sản gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn: Chị Phạm Thị Hồng N nộp toàn bộ án phí ly hôn, số tiền án phí chị N phải nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), hoàn lại cho chị N 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0002265 ngày 27/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện Yên Mô;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Yên Mô;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Mai Sơn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN
(ĐÃ ký)

Nguyễn Thị Hoa